

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/DS-ST
Ngày: 14/9/2018
Về việc tranh chấp hợp đồng
vay tài sản (tiền)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đẹp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lại Thiện Phong;

2/ Ông Lưu Quốc Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đắc Mẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Thanh D, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Trần Quốc N, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông D có mặt; Ông N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn ông Bùi Thanh D trình bày: Ngày 25/4/2015 dương lịch, ông D có cho ông Trần Quốc N vay số tiền 40.000.000 đồng, có lập biên nhận ngày 25/4/2015 và ông N có ký tên vào biên nhận, trong biên nhận không có ghi mức lãi suất và thời hạn trả cụ thể nhưng hai bên có thỏa thuận bằng miệng là sau một tháng sẽ trả lại vốn và lãi, lãi suất được tính theo mức lãi suất của ngân hàng khi cho vay. Khi vay, thì ông D chỉ cho một mình ông N vay và không ai biết. Do ông N không trả vốn và lãi cho ông

D nên ông D khởi kiện yêu cầu ông Trần Quốc N trả cho ông D số tiền 40.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 25/4/2015 theo quy định pháp luật. Nhưng qua biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2018, cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, ông D thay đổi yêu cầu, ông D chỉ yêu cầu ông N trả cho ông số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng và tính lãi suất quá hạn phát sinh từ ngày 25/9/2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, vì ông N đã đóng lãi cho ông được 5 tháng đầu tiên với số tiền là 1.600.000 đồng (từ ngày 25/4/2015 đến ngày 25/9/2015).

Tại các biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Trần Quốc N trình bày:

Ông N thừa nhận có vay của ông Bùi Thanh D số tiền 40.000.000 đồng và ông N cũng thừa nhận nội dung “Biên nhận” ngày 25/4/2015 là do ông N viết và chữ ký “N” trong biên nhận là của ông. Khi vay tiền hai bên có thỏa thuận bằng miệng (không có ghi vào biên nhận) sau một tháng sẽ trả vốn và lãi theo mức lãi suất Ngân hàng khi cho vay. Ông N trình bày khi vay tiền của ông D thì chỉ do một mình ông N đứng ra vay và sử dụng cá nhân số tiền trên, vợ ông N không biết ông vay tiền và cũng không có sử dụng số tiền này. Ông N đã đóng lãi cho ông D từ ngày 25/4/2015 đến 25/9/2015 là 5 tháng với số tiền là 1.600.000 đồng. Ông Trần Quốc N đồng ý trả số tiền vốn 40.000.000 đồng và lãi suất quá hạn theo quy định tính từ ngày 25/9/2015 cho ông D.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ thời điểm thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi tham gia tố tụng đến nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc ông Trần Quốc N có trách nhiệm trả cho ông Bùi Thanh D số tiền 56.050.000 đồng (Trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi là 16.050.000 đồng).

- Buộc ông Trần Quốc N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 2.802.000 đồng (làm tròn số).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn ông Bùi Thanh D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản để đòi ông Trần Quốc N trả số tiền 40.000.000 đồng và lãi suất theo quy định nên đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Quốc N có nơi đăng ký thường trú tại ấp B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Bị đơn ông Trần Quốc N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông N.

Về nội dung vụ án:

[3] Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Hợp đồng vay tài sản giữa ông Bùi Thanh D với ông Trần Quốc N là có xảy ra trên thực tế vì được cả hai bên thừa nhận và phù hợp với biên nhận nợ ngày 25/4/2015 mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án. Đây là tình tiết mà cả hai bên đều thừa nhận nên không cần phải chứng minh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2018, ông Bùi Thanh D yêu cầu ông Trần Quốc N trả cho ông D số tiền 40.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 25/4/2015 theo quy định pháp luật. Nhưng qua biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2018, cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, ông D thay đổi yêu cầu, ông D chỉ yêu cầu ông N trả cho ông số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng và tính lãi suất phát sinh từ ngày 25/9/2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, vì ông N đã đóng lãi cho ông được 5 tháng đầu tiên với số tiền là 1.600.000 đồng (từ ngày 25/4/2015 đến ngày 25/9/2015). Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông D là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thanh D về thời gian tính lãi suất.

Xét yêu cầu của ông Bùi Thanh D đòi ông Trần Quốc N trả cho ông D số tiền vay là 40.000.000 đồng và tính lãi suất phát sinh từ ngày 25/9/2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm xét thấy:

Khi hai bên thực hiện giao dịch vay tiền thì ông Trần Quốc N có làm biên nhận, nhận tiền của ông D với số tiền 40.000.000 đồng. Qua các biên bản lấy lời khai tại Tòa án thì ông N đều thừa nhận và ông N đồng ý trả cho ông D số tiền 40.000.000 đồng và lãi suất theo quy định nên cần được ghi nhận. Mặc dù ông N đồng ý trả tiền cho ông D nhưng khi Tòa án tiến hành hòa giải vụ án thì ông N vắng mặt nên không lập được biên bản hòa giải thành giữa ông N và ông D để ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đối với việc ông D yêu cầu ông N trả lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật từ ngày 25/9/2015 (dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm: Xét thấy khi ông D và ông N thực hiện hợp đồng vay tiền là năm 2015 nên căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 về Điều khoản chuyển tiếp thì giao dịch dân sự này được điều chỉnh bởi Bộ luật dân sự năm 2005 làm cơ sở giải quyết khi tính lãi suất theo yêu cầu của ông D. Do trong quá trình vay tiền thì ông N chỉ trả được 5 tháng tiền lãi đầu tiên cho ông D nên ông N đã vi phạm nghĩa vụ của mình. Vì vậy ông N phải chịu lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố được quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Đồng thời qua các biên bản lấy lời khai ông N cũng đồng ý trả lãi suất quá hạn theo quy định pháp luật cho ông D.

Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước với mức lãi suất là 9%/năm, như vậy lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất cơ bản, sẽ bằng 13,5%/năm. Cụ thể số tiền lãi mà ông N phải trả cho ông D là: 40.000.000 đồng x 13,5%/năm x 2 năm 11 tháng 20 ngày (từ ngày 25/9/2015 (dương lịch) đến ngày 14/9/2018 (dương lịch) là ngày xét xử sơ thẩm) = 16.050.000 đồng. Vì vậy cần buộc ông Trần Quốc N có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Thanh D tổng số tiền là 56.050.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi là 16.050.000 đồng).

[4] Về án phí:

Ông Trần Quốc N phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5% trên tổng số tiền phải trả: 56.050.000 đồng x 5% = 2.802.000 đồng (làm tròn số).

Ông Bùi Thanh D được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã dự nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

Từ những phân tích nêu trên xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa ngày hôm nay là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 688 Bộ Luật dân sự năm 2015;

Áp dụng: Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ Luật dân sự năm 2005;

Áp dụng: Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc ông Trần Quốc N có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Thanh D số tiền tổng cộng là 56.050.000đ (Năm mươi sáu triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi là 16.050.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất với số tiền chậm thi hành án theo qui định tại khoản 2 Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Trần Quốc N phải nộp án phí sơ thẩm với số tiền là 2.802.000đ (Hai triệu, tám trăm lẻ hai nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Bùi Thanh D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.000.000đ (Một triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0005723, ngày 17/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án này theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

LÊ VĂN ĐẸP